TÒA ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 138/2019/LĐ - ST
Ngày: 25.11.2019
V/v "Tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Hồng Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Công Chi**, Cán bộ hưu trí

2. Ông **Hà Thúc Liêu,** Nơi công tác: Phòng lao động thương binh và xã hội quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 202/2019/TLST-LĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về "*Tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2019/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 156/2019/QĐXXST-LĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1987; Nơi cư trú: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Ngọc O, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tổ 19, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng.(theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV T. Địa chỉ: Lô N, đường số 6, Khu công nghiệp H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông *Kim Sang B* - Sinh năm 1960.Chức vụ: Giám đốc. Quốc tịch: Hàn Quốc. Nơi ĐKHKTT: 6 N, Gwanak-gu, Seoul, Hàn Quốc. (Vắng mặt lần thứ hai).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: Số 43 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh H- Sinh năm 1983. Chức vụ: Phó trưởng phòng phụ trách quản lý thu (*theo giấy ủy quyền số 1983/BHXH-QLT ngày 25/11/2019)*. Có mặt.

4. Người làm chứng: Bà Lê Thị Kiều C, sinh năm 1981; Trú tại: Số 64/9 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc O trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Đ vào làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 10 tháng 6 năm 2015, tổng thời gian làm việc là 03 năm, 02 tháng (tính đến 30/7/2018) theo HĐLĐ không xác định thời hạn, số 148/2017/HĐLĐ-L3 ngày 10/8/2017 và Phụ lục HĐLĐ số 55/2018/PL ngày 30/12/2017, tiền lương là 3.966.000đ/tháng (Công nhân may).

Từ ngày 01/8/2018 đến nay, ông Kim Sang B, quốc tịch Hàn Quốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T không có mặt tại trụ sở làm việc, không thực hiện các thỏa thuận về tiền lương và Bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị Đ theo Hợp đồng lao động và các quy định của pháp luật hiện hành.

Vậy đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán tổng số tiền **29.275.867 đồng**, trong đó:

- Trả tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 3.270.589 đồng *(Tiền lương tháng 6: 5.750.589 đồng, đã chuyển lần 1: 1.700.000 đồng, lần 2: 780.000 đồng)* và số ngày công tháng 7 là 23 ngày, tiền lương thực tế tháng 7 là 3.741.185 đồng. Tổng tiền lương là 7.011.774 đồng.

- Buộc Công ty trích nộp cho Cơ quan BHXH là 22.264.093 đồng theo quy định pháp luật Bảo hiểm xã hội trong thời gian bà Nguyễn Thị Đ làm việc.

** Bị đơn là Công ty TNHH MTV T*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty TNHH MTV T vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Hiện nay, Công ty TNHH MTV T đã đóng cửa, ngừng hoạt động.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bảo hiểm xã hội thành phố Đà

Nẵng do ông Phạm Anh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Về số tiền phải đóng BHXH (*bao gồm nợ gốc và lãi*) mà Công ty TNHH MTV T còn nợ của bà Nguyễn Thị Đ là: 22.264.093 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc: 20.222.775 đồng*(tính từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018),* số tiền nợ lãi: 2.041.318 đồng (*tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018),* số tiền lãi được tính theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2018 mức tính lãi là 1,2084%/1 tháng và theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 mức tính lãi là 1,317%/1 tháng.

Để bảo vệ quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty, Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng thống nhất ý kiến của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có trách nhiệm nộp số tiền còn nợ BHXH và đề nghị chuyển về tài khoản chuyên thu của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng.

* *Người làm chứng bà Lê Thị Kiều C có đơn trình bày:* Bà Lê Thị Kiều C làm việc tại Công ty TNHH T từ ngày 16/9/2014 đến gày 03/8/2018 (*ngày Công ty tạm ngừng hoạt động*) với chức danh công việc là phụ trách công tác Hành chính nhân sự.

Bà C được cung cấp Bảng chấm công tháng 7 được trích từ hồ sơ quản lý nhân sự của Công ty của từng người lao động làm việc tại Công ty TNHH T với thời gian là việc từ 01/7/2018 đến 21/7/2018 để làm chứng cứ xem xét giải quyết vụ án.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 73, 77, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia quá trình tố tụng là không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 90, 94, 96, 102, 201, 202 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, 17, 18, 21, 23, 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH MTV T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 và tháng 7 năm 2018 còn nợ là 7.011.774 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV T phải nộp vào Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng số tiền BHXH của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 22.264.093 đồng để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án tranh chấp đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội, bị đơn Công ty TNHH MTV T có trụ sở tại quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, Công ty TNHH MTV T đã ngừng sản xuất và hoạt động vào đầu tháng 8 năm 2018, ngày 18.6.2019 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã có đơn yêu cầu hòa giải tại Phòng Lao động thương binh xã hội quận Liên Chiểu. Ngày 17.7.2019 bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu. Căn cứ khoản 2 Điều 202 Bộ luật lao động năm 2012, nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về điều kiện khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện có tranh chấp về tiền lương nên đây là tranh chấp thuộc trường hợp phải thông qua thủ tục hòa giải trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định tại Điều 201 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Công văn số 232/UBND-LĐTBXH ngày 20/6/2019 về việc trả lời đơn yêu cầu hòa giải của người lao động của Phòng Lao động thương binh và xã hội quận Liên Chiểu thì nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

[4] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng có đơn yêu cầu xin được xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 229 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án. Đối với bị đơn Công ty TNHH MTV T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về các yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[5.1] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương mà Công ty TNHH T còn nợ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, bao gồm: Tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 3.270.589 đồng *(Tiền lương tháng 6: 5.750.589 đồng, đã chuyển lần 1: 1.700.000 đồng, lần 2: 780.000 đồng)* và số ngày công tháng 7 là 23 ngày, tiền lương thực tế tháng 7 là 3.741.185 đồng. Tổng tiền lương là 7.011.774 đồng.

Căn cứ vào HĐLĐ ngày 10/8/2017 có đủ cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, phù hợp với quy định tại Điều 16 và điểm a khoản 1 Điều 22 và Điều 23 Bộ luật Lao động năm 2012.

Xét bảng lương tháng 6 và các chứng từ chuyển lương của ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - chi nhánh Hải Vân xác định số lương còn lại chưa chuyển cho người lao động trong tháng 6.2018 là 3.270.589 đồng. Đối với yêu cầu lương tháng 7 căn cứ vào bảng chấm công của do người làm chứng bà Lê Thị Kiều C là Trưởng phòng nhân sự của Công ty TNHH MTV T cung cấp (không có xác nhận từ phía công ty) thì trong tháng 7, tính từ 01/7/2018 đến 21/7/2018 bà làm việc được 15 công (trừ 02 ngày chủ nhật). 08 ngày còn lại trong tháng 7, tính từ 22/7/2018 đến 31/7/2018 thì Công ty TNHH MTV T đã thông báo cho người lao động nghỉ phép vẫn hưởng lương, như vậy tổng số ngày lao động của tháng 7 là 23 ngày thành tiền là 3.741.185 đồng. Mặt khác, Công ty TNHH MTV T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập lấy lời khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có văn bản phản đối những tình tiết nguyên đơn đưa ra nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì các tài liệu, chứng cứ, tình tiết, sự kiện nguyên đơn cung cấp là chứng cứ hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán tiền lương còn nợ cho bà Nguyễn Thị Đ là 7.011.774 đồng **(***Bảy triệu, không trăm mười một ngàn, bảy trăm bảy mươi tư đồng***)**.

[5.2] Đối với yêu cầu truy đóng BHXH: Căn cứ vào Hợp đồng lao động ký giữa Công ty TNHH MTV T với bà Nguyễn Thị Đ có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Đ là người lao động làm việc tại Công ty TNHH MTV T từ ngày 10/6/2015. Căn cứ công văn số 1014/BHXH-QLT, ngày 01/7/2018 của Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng và bảng tính số tiền phải đóng bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội TP. Đà Nẵng và Sổ bảo hiểm xã hội số 4809021946 xác định bà Nguyễn Thị Đ có tham gia bảo hiểm xã hội khi làm việc tại Công ty TNHH MTV T. Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV T chưa trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Đ từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018 số tiền phải đóng

là 20.222.775 đồng. Theo bà Nguyễn Thị Đ số tiền này đã được Công ty trích hàng tháng để đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị Đ nhưng chưa nộp vào quỹ bảo hiểm làm thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội bị đơn phải có trách nhiệm đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ cho người lao động.

Bảo hiểm xã hội thành phố Đà Nẵng xác nhận Công ty TNHH MTV T còn nợ tiền BHXH nên ngoài số tiền nợ gốc là 20.222.775 đồng phía Công ty TNHH MTV T còn phải trả số tiền lãi là: 2.041.318 đồng (tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018), số tiền lãi được tính theo Thông báo số 195/TB-BHXH ngày 30.01.2011 mức tính lãi là 1,2084%/1 tháng và theo Thông báo số 259/TB-BHXH ngày 02.3.2017 mức tính lãi là 1,317%/1 tháng.

HĐXX xét yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên buộc Công ty TNHH MTV T phải có nghĩa vụ tiếp tục đóng tiền Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là 20.222.775 đồng (tính từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018), số tiền nợ lãi: 2.041.318 đồng (tính từ tháng 02/2017 đến tháng 7/2018). Tổng cộng là 22.264.093 đồng (*Hai mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi tư ngàn, không trăm chín mươi ba đồng*).

Ngay sau khi Công ty TNHH MTV T nộp đủ số tiền nói trên vào Quỹ bảo hiểm xã hội thì bà Nguyễn Thị Đ có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 878.276 đồng (*Tám trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm bảy mươi sáu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 22, Điều 23, Điều 90, Điều 94, Điều 96, khoản 1 Điều 201 và khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 15, Điều 17, Điều 18, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 25, Điều 86 và Điều 122 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc Công ty TNHH MTV T phải thanh toán tổng số tiền **29.275.867 đồng**, trong đó:

- Phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền lương còn lại của tháng 6 năm 2018 là 3.270.589 đồng và tiền lương tháng 7 năm 2018 là 3.741.185 đồng. Tổng tiền lương là 7.011.774 đồng.

- Phải nộp vào quỹ Bảo hiểm xã hội số tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Đ là 22.264.093 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 20.222.775 đồng (tính từ tháng 11/2016 đến tháng 7/2018), số tiền nợ lãi: 2.041.318 đồng (tính từ tháng tháng 02/2017 đến tháng 7/2018).

Sau khi Công ty TNHH MTV T nộp đủ số tiền nói trên vào quỹ Bảo hiểm xã hội thì bà Nguyễn Thị Đức có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH MTV T phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 878.276 đồng (*Tám trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm bảy mươi sáu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo**:** Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND Quận Liên Chiểu;
- TAND TP.ĐN; VKSND TP. ĐN;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Thị Hồng Thủy